TAND HUYỆN T **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/4/2018
V/v: "Ly hôn và con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Đình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Trần Xuân Anh

Bà: Ngô Thị Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa, xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 03 năm 2018, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 04 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ – Sinh năm: 1989
Địa chỉ: Xóm 7, Xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
- *Bị đơn:* Chị Lê Thị N - Sinh năm: 1987
Địa chỉ: Xóm 7, Xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Về hôn nhân**: Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2018 và các bản khai tại Tòa án nhân dân huyện T, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Anh và chị Lê Thị N kết hôn với nhau ngày 27/6/2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, hai bên không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải nhau, mặc dù anh đã cố gắng hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Vợ chồng

sống ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh đề nghị Toà án nhân dân huyện T giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Chị Lê Thị N trình bày: Điều kiện và thời gian kết hôn như anh Đ trình bày là đúng. Vợ chồng kết hôn ngày 27/6/2012 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị có thai cháu thứ 2, anh Đ yêu cầu chị phá thai nhưng chị không đồng ý, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, anh Đ không quan tâm để ý gì đến vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay không quan tâm đến nhau. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Đ đề nghị ly hôn chị cũng đồng ý.

*** Về con chung:**

- Anh Đ trình bày: Vợ chồng có 02 con chung: cháu Nguyễn Lê Phương T, sinh ngày 11/5/2013 và cháu Nguyễn Văn Duy K sinh ngày 03/09/2014, hiện nay 2 cháu đang ở với chị N. Nguyện vọng của anh được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh nghề tự do tại Hà Nội mức thu nhập bình quân hàng tháng từ 15 đến 20 triệu đồng.

- Chị N trình bày: Vợ chồng có 02 con chung là: cháu Nguyễn Lê Phương T, sinh ngày 11/5/2013 và cháu Nguyễn Văn Duy K sinh ngày 03/09/2014, hiện nay 2 cháu đang ở với chị, trong thời gian 2 con ở với chị, anh Đ không quan tâm cấp dưỡng nuôi con mà do chị tự lo liệu từ đó cho đến nay, nguyện vọng của chị là được nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con; hiện nay chị làm công việc tự do mức thu nhập bình quân một tháng khoảng 12 đến 15 triệu đồng

*** Về tài sản và công nợ:**

Anh Đ và Chị N thống nhất: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và Chị Lê Thị N kết hôn với nhau ngày 27/6/2012 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị N là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, luôn bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cải nhau. Ngoài ra do điều kiện kinh tế khó khăn, vợ chồng đi làm ăn xa, do đó tình cảm vợ chồng ngày

càng phai nhạt. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay hai bên xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh Đ xin ly hôn chị N cũng đồng ý ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị N đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Việc thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị N là hoàn toàn tự nguyện có căn cứ, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị N có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Phương T, sinh ngày 11/5/2013 và cháu Nguyễn Văn Duy K sinh ngày 03/09/2014. Nguyện vọng của anh Đ và chị N đều yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con của hai bên là chính đáng. Song xét thấy trước đây và hiện nay cả hai con hiện đều do chị N nuôi dưỡng, đảm bảo tốt về mọi mặt. Tại phiên tòa anh Đ cũng thừa nhận trong thời gian trên anh không cấp dưỡng nuôi con. các tình tiết này là rõ ràng theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn cũng không phản đối. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của chị N là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả 2 con chung.

[3] Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị N

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Phương T và cháu Nguyễn Văn Duy K cho chị Lê Thị N trực tiếp nôi dưỡng, anh Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

anh Đức đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số: AA/2017/0001145 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND. H T;
- Chi cục THADS T;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Đình Thuận